TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ H** **TỈNH BÌNH ĐỊNH** Bản án số: 117/2023/DS-ST Ngày: 15-5-2023 V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ H, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:** Ông Võ Phương Quang
***Các Hội thẩm nhân dân*:**
1. Ông Phan Á
2. Ông Võ Văn Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Tuyết Mai – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H, tỉnh Bình Định *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Khánh Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2023 tại Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 230/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2022 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2023/QĐXX-ST ngày 28 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1974 (có mặt).
Địa chỉ: Khu phố T, phường T, thị xã H, tỉnh Bình Định.
Bị đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1962 (có mặt).
Địa chỉ: Khu phố C, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định.
Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
Ông Phan Ngọc X, sinh năm 1970 (có mặt).
Địa chỉ: Khu phố T, phường T, thị xã H, tỉnh Bình Định.
Người làm chứng:
- Bà Lê Thị Xuân Tr, sinh năm 1987 (có mặt).
Địa chỉ: Khu phố 4, phường B, thị xã H, tỉnh Bình Định.
- Bà Phan Thị Tr, sinh năm 1968 (có mặt).
Địa chỉ: Khu phố Nh, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định.
- Ông Lê S, sinh năm 1961 (có mặt).
Địa chỉ: Khu phố C, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện và trình bày của nguyên đơn, bà Trần Thị H xác định: Vào ngày 24/4/2020 (tháng 4 sau âm lịch), bà Trần Thị H có vay của bà 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng; đến ngày 26/5/2021, bàH vay tiếp 95.000.000

(chín mươi lăm triệu) đồng; ngày 15/6/2021, bàH vay tiếp 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng. Cả ba khoản vay bàH chưa trả. Nay bà yêu cầu bàH trả cho bà ba khoản tiền mượn tổng cộng số tiền 275.000.000 (hai trăm bảy mươi lăm triệu) đồng. Bà yêu cầu bàH trả lãi kể từ ngày mượn đến ngày phiên tòa xét xử theo lãi suất pháp luật quy định.

- *Theo trình bày của bị đơn bà Trần Thị H trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa xác định:* Khoản nợ 30.000.000 đồng bà có vay của bà H ngày 24/4/2020 (tháng 4 sau âm lịch) nhưng sau đó 4 ngày bà đã trả xong cho bà H cả gốc lẫn lãi; khoản vay 95.000.0000 đồng là khoản tiền hụi trước đây bà còn nợ của bà H, bà có viết giấy nợ và cũng đã trả dần hàng tháng được tổng số tiền là 40.000.000 đồng, còn nợ 55.000.000 đồng; số tiền 150.000.000 đồng là trước đó bà có mượn của bà H hai lần tổng cộng 150.000.000 đồng và đến ngày 12/8/2021 âm lịch bà đã trả xong cho vợ chồng bà H tại nhà bà, có vợ chồng bà H, ông X nhận tiền và có bà Phan Thị Tr là người làm chứng. Bà xác định hiện tại bà chỉ còn nợ bà H số tiền nợ hụi là 55.000.000 và chấp nhận trả số tiền nợ này. Bà không đồng ý với yêu cầu trả số tiền 275.000.000 đồng và lãi suất mà bà H yêu cầu.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, ông Phan Ngọc X trình bày:* Ông là chồng của bà Trần Thị H. Việc bàH mượn tiền của vợ ông như thế nào thì ông không biết cụ thể. Ông có cùng vợ ông xuống nhà bàH lấy tiền mượn một lần trong năm 2021, còn ngày tháng cụ thể, ông không nhớ. Nay vợ ông yêu cầu bàH trả số tiền 275.000.000 đồng, ông đồng ý.

- *Người làm chứng, bà Lê Thị Xuân Tr trình bày:* Bà là con ruột của bàH, vào ngày 12/8/2021 (âm lịch) tại nhà bàH, bà có chứng kiến bàH trả cho bà Trần Thị H và ông Phan Ngọc X số tiền 150.000.000 đồng, bà có chụp ảnh và quay clip việc trả nợ giữa hai bên.

Đối với khoản nợ 30.000.000 đồng thì trước đó bà có biết mẹ bà và mợ bà là Phan Thị Tr có đến nhà bà H, ông X để trả nợ nhưng bà không chứng kiến việc giao nhận tiền giữa hai bên.

- *Người làm chứng, bà Phan Thị Tr trình bày:* BàH là chị chồng của bà, còn bà H là cháu gọi chồng bà là chú ruột. Bà có biết việc vay tiền giữa bàH và bà H vì lúc đó do bà không vay tiền được của bà H nên bà nhờ bàH vay của bà H để đưa cho bà mượn. Do bàH mượn tiền của bà H để đưa cho bà mượn nên mỗi lần bàH trả tiền cho bà H đều có bà, ngày 12/8/2021 (âm lịch) tại nhà bàH bà có chứng kiến việc bàH có trả cho bà H số tiền 150.000.000 đồng. Ngoài ra bà còn có nghe bàH có vay của bà H 30.000.000 đồng, lúc bàH trả tiền cho bà H thì bà có đi cùng bàH đến nhà bà H nhưng khi đến nhà bà H thì bà đứng bên ngoài chứ không vào nhà nên không trực tiếp chứng kiến bàH trả khoản tiền này.

- *Người làm chứng ông Lê S trình bày:* Ông là chồng của bàH, đối với 03 khoản nợ bà H kiện bàH thì 02 khoản nợ 150.000.000 đồng và khoản nợ 30.000.000 đồng lúc mượn ông không biết nhưng khi bàH trả nợ cho bà H thì ông biết, 02 khoản nợ này bàH đã trả cho bà H xong và đã thu hồi giấy nợ gốc đối với khoản nợ 150.000.000 đồng còn khoản nợ 30.000.000 đồng khi trả nợ bà

H không trả lại giấy nợ gốc cho bàH, việc bàH trả khoản nợ 30.000.000 đồng cho bà H có bà Phan Thị Tr làm chứng vì bà Tr cùng đi trả nợ với bàH. Đối với khoản nợ hụi 95.000.000 đồng bàH đã trả cho bà H 40.000.000 đồng chỉ còn nợ 55.000.000 đồng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H, tỉnh Bình Định: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng theo qui định, tuy nhiên vụ án để quá hạn luật định.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc bàH phải trả cho bà H 85.000.000 đồng (tám mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi chậm trả theo quy định pháp luật; không chấp nhận yêu cầu của bà H đối với việc buộc bàH trả 190.000.000 đồng (một trăm chín mươi triệu) và tiền lãi chậm trả.

- Về án phí: bà Nguyễn ThịH là người cao tuổi được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm đối; bà Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền: Bà Trần Thị H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà với bà Trần Thị H. Nguyên đơn và bị đơn đều có hộ khẩu thường trú tại thị xã H, tỉnh Bình Định. Do đó, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Bình Định.

[2] Theo lời khai và tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn, bà Trần Thị H cung cấp, Hội đồng xét xử xác định: Bà Trần Thị H yêu cầu bà Trần Thị H trả cho bà ba khoản tiền mượn vào ba lần cụ thể như sau:

+ Lần 1: Vào ngày 24/4/2020 (tháng 4 sau âm lịch) bà Trần Thị H có vay của bà 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng;

+ Lần 2: Vào ngày 26/5/2021, bàH vay 95.000.000 (chín mươi lăm triệu) đồng.

+ Lần 3: Vào ngày 15/6/2021, bàH vay 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng.

[2.1] Đối với khoản tiền 30.000.000 đồng: Theo trình bày của bàH, bà xác định có mượn của bà H 30.000.000 đồng nhưng đã trả xong. Như vậy, việc mượn số tiền 30.000.000 đồng là có thật. Trong giấy mượn tiền 30.000.000 đồng đề ngày 24/4 sau/2020 không thể hiện thời hạn trả nợ, không thể hiện lãi suất. Theo quy định tại Điều 463, 469 Bộ luật dân sự 2015 thì đây là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn và không có lãi. BàH trình bày rằng khoản tiền này bà đã trả xong cho bà H nhưng bà không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho việc trả nợ của mình. Do đó, chấp nhận yêu cầu của bà H đối với số tiền nợ 30.000.000 đồng.

[2.2] Đối với số tiền nợ 95.000.000 đồng phát sinh từ việc chơi hụi: BàH và bà H đều xác định có chơi hụi với nhau và bàH có nợ bà H tiền hụi là 95.000.000 đồng. Đến ngày 26/5/2021 bàH có viết giấy nhận nợ bà H số tiền 95.000.000 đồng. Như vậy khoản nợ này xuất phát là tiền nợ hụi nhưng sau đó

bàH đã viết giấy nhận nợ thừa nhận còn nợ bà H số tiền 95.000.000 đồng. BàH trình bày do ngày 22/5/2021 hàng tháng là ngày đóng tiền hụi nên bàH ghi nhầm ngày 22/5/2021 thực ra ngày ghi giấy nợ là ngày 26/5/2021. Bà H cũng thừa nhận ngày bàH mượn tiền là ngày 26/5/2021. Như vậy, mốc thời gian bàH nợ bà H 95.000.000 đồng là ngày 26/5/2021.

Tại phiên tòa bàH cung cấp bản chính giấy trả nợ có nội dung: *"Giấy nợ bà Trần Thị H (tiền hụi). Ngày 26/5/2021 AL (95 triệu). 26/6/2021, bà Trần Thị H trả cho Trần Thị H 5 triệu; 26/7 bà Trần Thị H trả cho bà H 15 triệu; 26/8 bà Trần Thị H trả cho Trần Thị H 5 triệu. Ký tên: Trần Thị H; 26/10 bà Trần Thị H trả 5.000.000 cho Trần Thị H nhận 5 triệu. Ký tên: Trần Thị H; 26/12/2021 bà Trần Thị H trả cho Trần Thị H 5 triệu. Ký tên: Trần Thị H"*. Bà H không chứng minh được vào ngày 26/5/2021 giữa bà và bàH có khoản nợ nào khác, bà H thừa nhận chữ ký trong giấy trả nợ là của bà H. Như vậy, giữa Giấy nợ của bà H và giấy trả nợ bàH cung cấp trùng khớp về thời gian mượn: Ngày 26/5/2021, số tiền nợ: 95.000.000 đồng. Xét thấy, việc bàH nợ bà H 95.000.000 đồng và đã trả cho bà H được 40.000.000 đồng là có thật. Tại giấy nợ có ghi thời hạn trả nợ, không thể hiện lãi suất nên đây là hợp đồng vay tài sản có thời hạn và không có lãi theo quy định tại Điều 463, Điều 470 Bộ luật dân sự. Do đó, chấp nhận một phần yêu cầu của bà H tại giấy nợ ngày 26/5/2021, buộc bàH trả 55.000.000 đồng cho bà H.

[2.3] Đối với số tiền 150.000.000 đồng mà bà H yêu cầu: Tài liệu chứng cứ mà bà H cung cấp là giấy nợ không ghi ngày tháng năm vay, không thể hiện nội dung nợ số tiền 150.000.000 đồng mà chỉ xác định nợ lãi 11.500.000 đồng, không thể hiện chữ ký chữ viết người mượn tiền. Nội dung của giấy nợ chỉ thể hiện việc bàH nợ bà H số tiền lãi 2 tháng rưỡi là 11.500.000 đồng trên số tiền gốc 150.000.000 đồng. Như vậy, giấy nợ này chỉ thể hiện nội dung bàH nợ bà H 11.500.000 đồng tiền lãi. Giấy nợ không có thời gian nợ, không có chữ ký người cho mượn và người mượn trong giấy nợ là không đảm bảo về mặt nội dung của hợp đồng vay tài sản quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự; mặc khác bàH xác định đã trả khoản nợ này cho bà H và bà H đã trả lại giấy nợ cho bà, tại phiên tòa bàH đã cung cấp được 02 giấy nợ gốc, những người làm chứng đều xác định có chứng kiến việc bàH trả cho bà H khoản nợ này. Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của bà H đối với khoản nợ này.

Từ những phân tích trên, nghĩ nên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H, buộc bà Trần Thị H phải trả cho bà Trần Thị H số tiền 85.000.000 đồng là có căn cứ.

[4] Về lãi suất: Bà H yêu cầu bàH trả lãi từ khi vay tiền đến ngày xét xử sơ thẩm. Tuy nhiên, nội dung 02 giấy nợ ngày 24/4 sau/2020 và ngày 26/5/2021 không thể hiện lãi và bàH cũng không chấp nhận việc trả lãi nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà H; bà H cũng không chứng minh được thời gian yêu cầu bàH trả nợ nên việc tính lãi chậm trả chỉ bắt đầu từ ngày bà H có yêu cầu khởi kiện ngày 19 tháng 01 năm 2022 cho đến ngày xét xử, với số tiền lãi bàH phải trả cho bà H là 10.626.000 đồng.

Do đó, buộc bàH có nghĩa vụ trả nợ cho bà H số tiền nợ gốc 85.000.000 đồng

và tiền lãi là 10.626.000 đồng. Tổng cộng là 95.626.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Vì một phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên theo qui định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. BàH là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Bà H phải chịu án phí đối với yêu cầu không được tòa án chấp nhận là: 190.000.000 đồng x 5% = 9.500.000 đồng.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H, tỉnh Bình Định là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, 466, 468, 469, 470 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 12, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H. Buộc bà Trần Thị H trả cho bà Trần Thị H số tiền 95.626.000 đồng (Chín mươi lăm triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn đồng); trong đó 85.000.000 tiền gốc và 10.626.000 đồng tiền lãi).

2. Về án phí:

- Bà Trần Thị H là người cao tuổi nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Trần Thị H phải chịu 9.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà H đã nộp 6.875.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002236 ngày 04 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh Bình Định. Số tiền bà H còn phải nộp là 2.625.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt và niêm yết hợp lệ để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

4.1. Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi; hoặc khoản tiền bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; hoặc trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản trong hoặc ngoài hợp đồng khác mà các bên không thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức

lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thị xã H;
- Chi cục THADS thị xã H;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Phương Quang

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Á **Nguyễn Hữu Phước** **Trần Minh Thành**